

## Chương Trình (Agenda)

\*\*\*

*Các em cần phải có sách vở và dụng cụ học đầy đủ khi đến trường  
(Students need to bring all school supplies to school)*

1. Điểm danh các em học sinh trước và sau giờ chơi.
2. Các em phải nộp tất cả bài làm cũ, mới và sách bài tập .
3. Kiểm tra 6 chữ chính tả của tuần 32: vần V, X, Y

### Giờ nghỉ giải lao

4. Học đếm số và tập viết từ 1 đến 20.
5. Ôn bảng chữ cái, chữ ghép và các dấu trong tiếng Việt

### Bài làm ở nhà (Homework):











**\*\*\* Nhờ các phụ huynh giúp các em làm bài ở nhà \*\*\***

1. Các em phải tập viết và học thuộc lòng số 1 - 20.
2. Kiểm tra số 1 đến số 10. Vừa viết số và viết chữ.
3. Tất cả bài làm mới phải nộp vào tuần tới.



# Em Học Đếm Số: 1 - 20

1/ Học thuộc lòng 20 số và tập viết mỗi số dưới đây:

	<b>Một</b> (One)	_____	_____	_____
	<b>Hai</b> (Two)	_____	_____	_____
	<b>Ba</b> (Three)	_____	_____	_____
	<b>Bốn</b> (Four)	_____	_____	_____
	<b>Năm</b> (Five)	_____	_____	_____
	<b>Sáu</b> (Six)	_____	_____	_____
	<b>Bảy</b> (Seven)	_____	_____	_____
	<b>Tám</b> (Eight)	_____	_____	_____
	<b>Chín</b> (Nine)	_____	_____	_____
	<b>Mười</b> (Ten)	_____	_____	_____

# TUẦN 33 (WEEK 33)

04/21/2007

Trường Việt Ngữ Lạc Hồng

Lớp Cấp 1A

Trang 3 of 6

Tên/Họ: \_\_\_\_\_

	<b>Mười Một</b> (Eleven)	_____	_____	_____
	<b>Mười Hai</b> (Twelve)	_____	_____	_____
	<b>Mười Ba</b> (Thirteen)	_____	_____	_____
	<b>Mười Bốn</b> (Fourteen)	_____	_____	_____
	<b>Mười Lăm</b> (Fifteen)	_____	_____	_____
	<b>Mười Sáu</b> (Sixteen)	_____	_____	_____
	<b>Mười Bảy</b> (Seventeen)	_____	_____	_____
	<b>Mười Tám</b> (Eighteen)	_____	_____	_____
	<b>Mười Chín</b> (Nineteen)	_____	_____	_____
	<b>Hai Mươi</b> (Twenty)	_____	_____	_____

**2/ Tập đồ theo số và chữ của mỗi hình dưới đây:**

1 Một Một đèn cầy



2 Hai Hai quả táo



3 Ba Ba chiếc xe



4 Bốn Bốn con thỏ



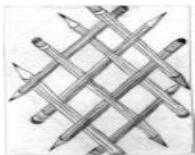
5 Năm Năm cô gái



6 Sáu Sáu con chó



7 Bảy Bảy bông hồng



8 Tám Tám cây viết chì



9 Chín Chín chiếc giày



10 Mười Mười em bé

Tên/Họ: \_\_\_\_\_



11 Mười một Mười một vòng tròn



12 Mười hai Mười hai bong bóng



13 Mười ba Mười ba ngôi sao



14 Mười bốn Mười bốn trái banh



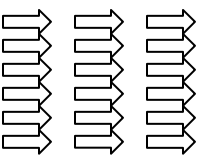
15 Mười lăm Mười lăm hạt ngọc



16 Mười sáu Mười sáu cái ghế



17 Mười bảy Mười bảy học tử



18 Mười tám Mười tám mũi tên

A b c d đ e ê  
g h I k l m n

o ô ơ p q

19 Mười chín Mười chín chữ cái



20 Hai mươi Hai mươi cái mặt trăng

Tên/Họ: \_\_\_\_\_

**3/ Tìm và khoanh tròn mười chữ dưới đây:**

Một      Hai      Ba      Bốn      Năm  
Sáu      Bảy      Tám      Chín      Mười

m	x	v	e	g	p	c	l	k	y
ơ	ô	ê	s	c	b	h	r	u	â
s	h	t	b	h	a	i	d	đ	c
b	a	^	.	m	y	n	ă	m	k
ô	l	u	i	h	'	,	â	ư	ê
n	v	s	'	r	g	n	o	ơ	q
'	t	x	y	t	a	m	'	i	ư
ơ	ă	g	i	l	e	-	p	`	t